TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-11-2023
V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Ông Nguyễn Văn Tái.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đào Thị N; nơi cư trú: Xóm 5, xã CA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đào Nguyên P; nơi cư trú: Xóm 5, xã CA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo bà Đào Thị N trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà và ông Đào Nguyên P xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào năm 1990, ngày cụ thể bà không nhớ. Ngoài bản Giấy chứng nhận kết hôn đã nộp, bà không còn giấy tờ nào khác liên quan đến việc kết hôn để nộp cho Tòa án. Tại phiên tòa bà N trình bày bà và ông P không đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã CA để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Đào Nguyên P.

2. Về con chung: Bà và ông Đào Nguyên P có 02 con chung là Đào Thị H, sinh ngày 10-9-1990 và Đào Nguyên T, sinh ngày 19-4-1996. Hiện con chung Đào Thị H và Đào Nguyên T đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà và ông Đào Nguyên P có tài sản chung là diện tích đất 238m^2 tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Xóm 5, xã CA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0483671 ngày 01 tháng 12 năm 1995 đứng tên ông Đào Nguyên P. Nguồn gốc diện tích đất này là đất Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, bà là người đóng tiền sử dụng đất theo quy định pháp luật nhưng hiện bà không còn giữ biên lai mà bà chỉ có giấy chứng nhận của bà Đào Thị M là người thu tiền nộp ngân sách xã năm 1991. Trên đất có 01 nhà chính một tầng xây dựng năm 1999, 01 nhà ngang một tầng xây dựng năm 2008, nhà tắm, nhà vệ sinh phía sau xây dựng năm 2020, bể nước mưa và nhà tắm đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng. Bà không có ý kiến gì về kết quả định giá của Tòa án. Tại phiên tòa bà Đào Thị N đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung là khu nhà tắm, nhà vệ sinh xây dựng năm 2020, do công trình này được bà N xây dựng trên phần đất mương phía sau chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời về diện tích đất, bà chỉ yêu cầu giải quyết đối với 238m^2 được ghi nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tăng thêm 18,6m^2 là do bà và ông P tự ý sử dụng về phía mương nước đằng sau, bà không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn, bà đề nghị Tòa án chia tài sản chung của bà và ông P bằng hiện vật là diện tích đất 238m^2 và tài sản trên đất (gồm nhà chính, nhà ngang, sân, vườn, cổng, tường bao, tường hoa, cây) tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 03 tại xóm 5, xã CA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0483671 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 01 tháng 12 năm 1995 đứng tên ông Đào Nguyên P, bà đề nghị được nhận phần đất phía giáp với đất của ông Đỗ Hữu S.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn ông Đào Nguyên P trình bày: Ông và bà Đào Thị N chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân nhau nhiều năm nay. Về con chung ông P và bà N có 02 con chung hiện nay đã trưởng thành và có công việc, gia đình ổn định. Về tài sản chung, ông P và bà N có tài sản chung là nhà và đất ở xóm 5, xã CA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ trước đến nay không thay đổi gì. Nay bà N có đơn khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp chia tài sản, ông P không đồng ý với yêu cầu của bà N.

Biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 10 tháng 3 năm 2023, xác định diện tích đất bà Đào Thị N, ông Đào Nguyên P đang sử dụng có diện tích 256,6m^2, trị giá 6.000.000 đồng/m^2, tương đương giá trị bằng 1.539.600.000 đồng; tài sản, vật kiến trúc trên đất gồm: Nhà chính trị giá 119.411.822 đồng, nhà ngang trị giá 49.352.856 đồng, nhà tắm, nhà vệ sinh trị giá 20.893.418 đồng, tường bao trị giá 412.877 đồng, tường hoa trị giá 975.744 đồng, sân gạch đỏ trị giá 2.536.813 đồng, cổng trị giá 3.879.238 đồng, cây mít đường kính 10cm trị giá 320.000đồng/cây x 02 cây =640.000 đồng, cây na đường kính gốc 5cm trị giá 100.000 đồng/cây x 02 cây = 200.000 đồng, cây hồng xiêm, đường kính gốc 7cm trị giá 150.000 đồng/cây x 02 cây = 300.000 đồng.

Tại Sơ đồ hiện trạng diện tích đất vợ chồng bà Đào Thị N và ông Đào Nguyên P đang sử dụng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0483671 xác định diện tích đất bà N, ông P sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 238m^2; diện tích đất bà N, ông P tự sử dụng ra ngoài mương nước là 18,6m^2 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là bà Đào Thị N có đơn khởi kiện về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn, ông Đào Nguyên P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b, c khoản 3 Nghị quyết 35/NQ-QH ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, Điều 16 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 219 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đào Thị N và ông Đào Nguyên P. Về con chung: Không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Giao cho bà Đào Thị N được sở hữu 119m^2 bao gồm các cạnh phía Bắc, Nam là 5m, cạnh phía Tây dài 23,9m giáp với hộ ông Đỗ Hữu S. Ông Đào Nguyên P được sở hữu 119m^2 bao gồm các cạnh

phía Bắc, Nam là 5m, cạnh phía Đông là 23,8m giáp hộ ông Đào Nguyên Thênh. Ông P được sử dụng 30,08m^2 diện tích nhà cấp 4 trị giá là 70.387.200 đồng, trên đất có cửa đi số 01+2 = 1.079.114 đồng, cửa sổ số 2 = 233.376 đồng, diện tích sân lát gạch kích thước 25×25cm, kích thước 44,45m^2 = 2.055.813 đồng và cổng 02 trụ kích thước 25×0,3×cao 2,5m, mái đổ bê tông=3.879.238 đồng; tường hoa = [(10,3+2,95)×0,6×0,11): 1,21]×975.744 đ = 707.213 đồng. Tổng giá trị tài sản nằm trên phần diện tích đất ông P được chia là 78.444.914 đồng. Tổng giá trị tài sản còn lại nằm trên phần diện tích đất bà N được chia = 99.264.436 đồng (bao gồm: 19,84m^2 nhà ở cấp 4 trị giá =46.425.600 đồng, cửa nhôm kính = 702.000 đồng, cửa sổ số 01 và song gỗ tạp cửa sổ số 1=584.532 đồng, toàn bộ nhà ngang 15,7m^2 =49.352.856 đồng, tường bao xây gạch trị giá 412.877 đồng, 01 phần tường hoa [(1,05+2+2)×0,6×0,11]:1,21x 975.744=268.531 đồng, 10,4m^2 sân lát gạch đỏ=481.000 đồng, 02 cây mít, 02 cây na, 02 cây hồng xiêm=1.140.000 đồng). Bà N phải thanh toán tiền giá trị tài sản chênh lệch cho ông P 10.409.761 đồng. Do bà Đào Thị N rút yêu cầu chia đối với 01 nhà tắm nhà vệ sinh phía sau nhà chính trị giá bằng 20.893.418 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ chia tài sản chung này. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà N được miễn án phí, ông P phải nộp 36.085.640 đồng án phí chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn ông Đào Nguyên P: Ông P, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đào Nguyên P.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị N:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của bà Đào Thị N và ông Đào Nguyên P thống nhất việc bà Đào Thị N chung sống với ông Đào Nguyên P trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện từ năm 1990. Bà N có cung cấp cho Tòa án 01 giấy đăng ký kết hôn tại xã CA có ghi vào sổ số 01, quyển số 02 có chữ ký của bà N, ông P nhưng

giấy đăng ký kết hôn này không ghi ngày, tháng, năm, không có chữ ký, đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã CA. Ông Đào Nguyên P trình bày ông P và bà N không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, bà Đào Thị N trình bày bà và ông Đào Nguyên P không đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã CA để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã CA thấy: Tại Ủy ban nhân dân xã CA chỉ còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1991 đến nay, qua kiểm tra, rà soát không có trường hợp đăng ký kết hôn nào mang tên bà Đào Thị N và ông Đào Nguyên P. Nên không có căn cứ xác định việc bà Đào Thị N và ông Đào Nguyên P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống trên cơ sở lời khai của đương sự, biên bản xác minh của Tòa án thấy: Trong thời gian chung sống, bà N và ông P đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm với nhau, vợ chồng đã ly thân nhau. Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, c mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đào Thị N và Đào Nguyên P.

[4] Về con chung: Bà Đào Thị N và ông Đào Nguyên P có 02 con chung là Đào Thị H, sinh ngày 10-9-1990 và Đào Nguyên T, sinh ngày 19-4-1996. Hiện các con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Kết quả thẩm định, định giá xác định diện tích đất thực tế bà N và ông P đang sử dụng là 256,6m^2, tức là tăng 18,6m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên phần diện tích đất tăng thêm bà N có xây dựng nhà tắm, nhà vệ sinh có diện tích 5,36m^2. Theo kết quả xác minh tại Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Vĩnh Bảo và Ủy ban nhân dân xã CA thấy phần diện tích đất tăng thêm 18,6m^2 là do đương sự sử dụng lấn về phía mương nước đằng sau, phù hợp với trình bày của bà Đào Thị N. Tại phiên tòa, bà Đào Thị N đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung đối với nhà tắm, nhà vệ sinh có diện tích 5,36m^2 được xây dựng năm 2020 và chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung đối với diện tích đất, tài sản trên đất trong 238m^2 đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của bà N và căn cứ lời khai của đương sự, biên bản xác minh, tài liệu thu thập của Tòa án, xác định tài sản chung của bà Đào Thị N và ông Đào Nguyên P là diện tích đất 238m^2 tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Xóm 5, xã CA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0483671 ngày 01 tháng 12 năm 1995 đứng tên ông Đào Nguyên P. Trên đất có tài sản, vật kiến trúc gồm 01 nhà chính có diện tích 49,92m^2, 01 nhà ngang có diện tích 15,9m^2, tường bao có khối lượng 2,56m^3, tường hoa có khối lượng 1,31m^2, sân gạch đỏ có diện tích 54,85m^2, cổng, 02 cây

mít, 02 cây na, 02 cây hồng xiêm. Xét thấy nguyên đơn bà Đào Thị N đề nghị chia đôi tài sản bằng hiện vật và thực tế những tài sản này có thể chia đôi cho bà N, ông P bằng hiện vật, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chia cho bà Đào Thị N, ông Đào Nguyên P mỗi người được sử dụng diện tích đất 119m^2 tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Xóm 5, xã CA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng trị giá đất bằng 119m^2 x 6.000.000đ/1m^2 = 714.000.000 đồng. Trên diện tích đất bà Đào Thị N sử dụng có tài sản là một phần ngôi nhà chính có diện tích 19,84m^2 (có kích thước là 6,4mx3,1m) trị giá 46.425.600 đồng, cửa đi nhôm kính trị giá bằng 702.000 đồng, cửa sổ số 01 và song gỗ tạp cửa sổ số 01 trị giá bằng 481.572 đồng, nhà ngang 15,9m^2 trị giá bằng 49.352.856 đồng, tường bao xây gạch trị giá 412.877 đồng, 01 phần tường hoa [(1,05+2+2)m×0,6m×0,11m] trị giá bằng 268.531 đồng, 10,4m^2 sân lát gạch đỏ trị giá bằng 481.000 đồng, 02 cây mít trị giá 640.000 đồng, 02 cây na trị giá 200.000 đồng, 02 cây hồng xiêm trị giá 300.000 đồng, tổng trị giá tài sản trên diện tích đất bà Đào Thị N được nhận xác định bằng 99.264.436 đồng. Trên diện tích đất ông Đào Nguyên P được nhận có tài sản là một phần ngôi nhà chính diện tích 30,08m^2 (có kích thước là 6,4mx4,7m) trị giá là 70.387.200 đồng, có cửa đi số 01+02 trị giá bằng 1.079.114 đồng, cửa sổ số 02 trị giá bằng 233.376 đồng, song cửa sổ số 02 trị giá 102.960 đồng, diện tích sân lát gạch diện tích 44,45m^2 trị giá bằng 2.055.813 đồng và cổng 02 trụ kích thước 25×0,3×cao 2,5m, mái bê tông trị giá bằng 3.879.238 đồng; tường hoa (10,3+2,95)m×0,6m×0,11m) trị giá 707.213 đồng; tổng trị giá tài sản trên diện tích đất ông Đào Nguyên P được nhận xác định bằng 78.444.914 đồng. Bà Đào Thị N và ông Đào Nguyên P được nhận tài sản diện tích đất bằng nhau, có giá trị như nhau; về tài sản trên đất bà N nhận phần tài sản giá trị bằng 99.264.436 đồng, ông P nhận phần tài sản có giá trị bằng 78.444.914 đồng, nên căn cứ Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình bà N phải thanh toán phần chênh lệch tài sản cho ông P với số tiền là 10.409.761 đồng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[6] Về án phí, chi phí tố tụng: Bà Đào Thị N trên 60 tuổi có đơn đề nghị xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm, án phí chia tài sản đối với phần tài sản mình được nhận; ông Đào Nguyên P phải nộp án phí chia tài sản có giá ngạch đối với phần tài sản mình được nhận. Về chi phí tố tụng, bà N đã nộp đủ chi phí tố tụng định giá, thẩm định tài sản, tại phiên tòa không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 14, 16, 19, 51, 53, 57, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điểm b, c mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội khóa 10 về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ vào quy định tại Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đào Thị N và ông Đào Nguyên P.

2- Về tài sản: Giao cho bà Đào Thị N được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 119m^2 thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Xóm 5, xã CA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng gồm các mốc (3;4;5;6), trị giá bằng 714.000.000đ (Bảy trăm mười bốn triệu đồng). Trên đất có tài sản là một phần ngôi nhà chính có diện tích 19,84m^2 (có kích thước là 6,4mx3,1m) trị giá 46.425.600 đồng, cửa đi nhôm kính trị giá bằng 702.000 đồng, cửa sổ số 01 và song gỗ tạp cửa sổ số 01 trị giá bằng 481.572 đồng, nhà ngang 15,9m^2 trị giá bằng 49.352.856 đồng, tường bao xây gạch trị giá 412.877 đồng, 01 phần tường hoa [(1,05+2+2)m×0,6m×0,11m] trị giá bằng 268.531 đồng, 10,4m^2 sân lát gạch đỏ trị giá bằng 481.000 đồng, 02 cây mít trị giá 640.000 đồng, 02 cây na trị giá 200.000 đồng, 02 cây hồng xiêm trị giá 300.000 đồng, tổng trị giá tài sản trên diện tích đất bà Đào Thị N được nhận xác định bằng 99.264.436đ (Chín mươi chín triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng).

Giao cho ông Đào Nguyên P được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 119m^2 thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Xóm 5, xã CA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng gồm các mốc (1;2;3;6), trị giá bằng 714.000.000đ (Bảy trăm mười bốn triệu đồng). Trên đất có tài sản là một phần ngôi nhà chính diện tích 30,08m^2 (có kích thước là 6,4mx4,7m) trị giá là 70.387.200 đồng, có cửa đi số 01+02 trị giá bằng 1.079.114 đồng, cửa sổ số 02 trị giá bằng 233.376 đồng, song cửa sổ số 02 trị giá 102.960 đồng, diện tích sân lát gạch diện tích 44,45m^2 trị giá bằng 2.055.813 đồng và cổng 02 trụ kích thước 25×0,3×cao 2,5m, mái bê tông trị giá bằng 3.879.238 đồng; tường hoa (10,3+2,95)m×0,6m×0,11m) trị giá 707.213 đồng; tổng trị giá tài sản trên diện tích đất ông Đào Nguyên P được nhận xác định

bằng 78.444.914đ (Bảy mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm mười bốn đồng).

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo và là một phần không thể thiếu của bản án).

Bà Đào Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Đào Nguyên P số tiền 10.409.761đ (Mười triệu bốn trăm linh chín nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng).

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu về khoản tiền được thi hành án, nếu người được thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản là khu nhà tắm, nhà vệ sinh có diện tích 5,36m^2 được xây dựng ngoài diện tích đất 238m^2 tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Xóm 5, xã CA, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Hậu quả của việc đình chỉ: Đương sự có quyền khởi kiện lại việc chia tài sản này theo quy định của pháp luật.

4- Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Đào Thị N được miễn nộp án phí ly hôn, án phí chia tài sản sơ thẩm; ông Đào Nguyên P phải nộp 36.085.640đ (Ba mươi sáu triệu không trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) án phí chia tài sản sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Bà Đào Thị N đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng thẩm định, định giá tài sản, Hội đồng xét xử không xét.

5- Về quyền kháng cáo bản án:

Bà Đào Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đào Nguyên P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6- Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã CA, huyện Vĩnh Bảo,
thành phố Hải Phòng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

Đinh Duy Việt